

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày: 9/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Vũ Minh Hải**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Hồ Phương**, ông **Trịnh Viết Xây**.

- **Thư ký phiên toà:** Ông **Nguyễn Văn Mạnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Vũ Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07 /2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐ-HPT ngày 08/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐ-HPT ngày 26/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q, sinh năm 1962; tại: N; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03 /10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ (đã chết), và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ Nguyễn Thị T; Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang thực hiện cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn C, sinh năm 1965; tại: N; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ (đã chết), và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ Đồng Thị N; Có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang thực hiện cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn S, sinh năm 1969; tại: N; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ(đã chết), và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ Bùi Thị X; Có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang thực hiện cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

***Người làm chứng:** Phạm Văn T1, Phạm Văn C1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H2(Điều vắng mặt); Phạm Thị Đ1, Vũ Đình S1, Nguyễn Sơn H3, Nguyễn Văn N1.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 3 năm 2023, Phạm Văn Q nảy sinh tình cảm với bà Vũ Thị H1, sinh năm 1975, ở thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau đó Q quan hệ tình dục với bà H1 02 lần, trong quá trình đi quan hệ tình dục với nhau Q chụp 02 ảnh của bà H1 (01 ảnh chụp chính diện bà H1 đang khoả thân, 01 ảnh chụp nghiêng bà H1 mặc áo hoa dài tay, không mặc quần). Đến khoảng đầu tháng 4/2023, Q sử dụng tài khoản Messenger facebook tên “Quyet Pham Van” gửi 02 ảnh trên vào tài khoản Messenger facebook tên “Hiền Vũ” của bà H1. Đến đầu tháng 5/2023 tài khoản facebook của bà H1 bị “hack nick” (tức là tài khoản của bà H1 không thể truy cập được do có người khác đánh cắp tài khoản). Trong thời điểm trên, sau khi Q gửi ảnh cho bà H1 thì Q và C (em trai Q) xảy ra mâu thuẫn vì Q nghi ngờ C quan hệ tình cảm với bà H1. Q sử dụng tài khoản Zalo “Chua Rung X1” được đăng ký từ số điện thoại 0865.891.762 gửi 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 đến tài khoản Zalo “Pham Van C2” được đăng ký từ số điện thoại 0914.552.739 của Phạm Văn C. Mục đích để C biết việc Q và bà H1 quan hệ tình dục với nhau. Khi nhận được ảnh Q gửi, C nhận ra 02 ảnh trên là ảnh của bà H1. Đến giữa tháng 5/2023, Q sử dụng tài khoản Messenger facebook của mình gửi 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 đến tài khoản Messenger facebook “Nguyễn Sơn H3” của ông Nguyễn Sơn H3, sinh năm 1957 ở cùng thôn với Q (là anh em họ và hàng xóm của Q). Mục đích Q gửi là để ông H3 biết việc Q đã quan hệ tình dục với bà H1. Khi nhận được ảnh Q gửi, ông Huỳnh n ra người trong ảnh là bà H1. Sau khi nhận được 02 ảnh của bà H1 (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân), C gọi bà Nguyễn Thị T (vợ của Q) và anh Phạm Văn C1 (con trai Q) sang nhà C. Tại đây C đưa 02 ảnh của bà H1 trong điện thoại của C cho bà T, anh C1 xem. Mục đích C cho bà T, anh C1 biết việc Q quan hệ tình dục với bà H1 và được ghi lại bằng việc chụp ảnh khoả thân, ảnh bán khoả thân của bà H1. Đến tháng 5/2023 khi xảy ra cãi nhau giữa bà H1 và Q, bà Nguyễn Thị Đ2 (mẹ bà H1) sang nhà C, C cho bà Đ2 xem 02 ảnh của bà H1 (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) mà Q đã gửi cho từ trước. Mục đích C cho

bà Đ2 xem ảnh nêu trên để bà Đ2 biết việc con gái bà Đ2 (bà H1) quan hệ tình dục với Q được chụp ảnh lại. Sau khi bà T, anh C1, bà Đ2 xem ảnh thì đều nhận ra người trong ảnh là bà H1. Tháng 4/2023, Phạm Văn S khi sử dụng ứng dụng facebook “Phạm Phạm” thấy tài khoản “Trai Trai Họ V” có 02 hình ảnh bà H1 gồm: 01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân. Phạm Văn S tải 02 ảnh trên về máy điện thoại của S. Cùng ngày C cho bà T, anh C1 xem ảnh bà H1, tối hôm đó C và S gọi bà T, anh C1 đến nhà S mục đích để cho bà T, anh C1 xem 02 ảnh của bà H1 mà S đã tải được. Tại đây, S đưa cho bà T, anh C1 xem 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 ở trong điện thoại của S. Sau đó S sử dụng tài khoản Zalo “Phạm Văn S2” được đăng ký bằng số điện thoại 0948.810.893 của S2 gửi 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 vào tài khoản Zalo “Phạm Thành T2” được đăng ký bằng số điện thoại 0367.110.333 của anh Phạm Văn T1, sinh năm 1987 (là con trai Q). Mục đích S2 cho bà T, anh C1, anh T1 xem 02 ảnh của bà H1 để mọi người biết việc Q quan hệ tình dục với bà H1 được chụp ảnh lại. Sau khi xem ảnh xong bà T, anh C1, anh T1 đều nhận ra người trong ảnh là bà H1. Đến tháng 5/2023 bà H1 nhờ ông Vũ Đình S1, sinh năm 1968, ở thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương xin hộ ảnh của bà H1 để xem có việc hình ảnh bà H1 đang khoả thân, bán khoả thân không. Sau đó ông S1 nói với T1 có ảnh của bà H1 không để cho ông S1 vì bà H1 xin. Sau đó T1 sử dụng tài khoản Zalo của T1 gửi 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 vào tài khoản Zalo “Sỹ” được đăng ký bằng số điện thoại 0346.575.557 của ông S1. Sau khi nhận được ảnh trên ông S1 chưa cho ai xem, chưa gửi ảnh cho ai. Trong tháng 7/2023 chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1998 (con gái bà H1) thấy tài khoản facebook “Trai Trai Họ V”, “Vũ Trai Họ V1” gửi vào tài khoản Messenger facebook “Nguyễn Hồng” của chị H2 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1. Sau đó bà H1 có đơn trình báo Công an xã H.

Tại kết luận giám định số 930/KL-KTHS ngày 18/12/2023 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: Trong điện thoại di động nhãn hiệu ViVo (ký hiệu A1) do Phạm Văn S giao nộp: Tài khoản sử dụng Facebook trên thiết bị mang tên “Phạm Phạm”. Tài khoản sử dụng ứng dụng Zalo trên thiết bị mang tên “Phạm Văn Sĩ”; Không tìm thấy tài khoản ứng dụng Facebook nào mang tên “Trai Trai Họ V1”, “Trai Họ V1”, và “Vũ Trai Họ V1” được lưu trong máy; Tìm thấy 51 tập tin hình ảnh nghi liên quan đến vụ việc. Nội dung chi tiết các dữ liệu được thể hiện tại mục “A1” lưu trong đĩa CD kèm theo. Trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (ký hiệu A2) do Phạm Văn C giao nộp: Không tiến hành tìm kiếm, khôi phục, trích xuất dữ liệu do điện thoại cài đặt mật khẩu. Trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (ký hiệu A3) do Phạm Văn Q giao nộp: Tài khoản sử dụng ứng dụng Facebook trên thiết bị mang tên “Quyet Pham Van”. Tài khoản sử dụng ứng dụng Zalo trên thiết bị mang tên “Chúa Rừng Xanh”; Không tìm thấy tài khoản ứng

dụng Facebook nào mang tên “Trai Trai Họ V1”, “Trai Họ V1”, và “Vũ Trai Họ V1”; Tìm thấy 06 tập tin hình ảnh nghi liên quan đến vụ việc. Nội dung chi tiết các dữ liệu được thể hiện tại thư mục “A3” lưu trong đĩa CD kèm theo. Trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (ký hiệu A4) do Phạm Văn T1 giao nộp: Tài khoản sử dụng ứng dụng facebook trên thiết bị mang các tên “Quyen Beo Quyen Beo” và “Trang Thành P”. Tài khoản sử dụng ứng dụng Zalo trên thiết bị mang tên “Phạm Thành T2”; Không tìm thấy tài khoản ứng dụng Facebook nào mang tên “Trai Trai Họ V1”, “Trai Họ V1”, và “Vũ Trai Họ V1”; Không tìm thấy tập tin hình ảnh nghi liên quan đến vụ việc. Không đủ cơ sở xác định tài khoản facebook mang tên “Trai Trai Họ V1”, “Trai Họ V1”, và “Vũ Trai Họ V1” là của ai, địa chỉ người đăng nhập, thiết bị đăng nhập.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển số vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, số IMEI 355 397 089 113 626 của Phạm Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K màu đen, IMEI2 868 289 052 055 209 của Phạm Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, có IMEI 2 864 739 044 619 300 của Phạm Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20S màu xanh, IMEI 2 353 247 114 259 336 của Phạm Văn T1, đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang để chờ xử lý theo quy định.

Theo bản cáo trạng số 11/CT-VKS-NG ngày 01/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn C, Phạm Văn S về tội “Làm nhục người khác” theo điểm a khoản 2 Điều 155 BLHS.

Tại phiên tòa: Các Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã công bố, các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: **Về tội danh:** Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn C, Phạm Văn S phạm tội Làm nhục người khác. **Về hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 155, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q, xử phạt bị cáo từ 08-11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 155, điều 38, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 17, 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn S, xử phạt bị cáo từ 05- 08 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 155, điều 65, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Phạm Văn C, xử phạt bị cáo từ 5 đến 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 10 đến 16 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn C cho UBND xã H quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng. **Về vật**

chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, số IMEI 355 397 089 113 626 của Phạm Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K màu đen, IMEI2 868 289 052 055 209 của Phạm Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, có IMEI 2 864 739 044 619 300 của Phạm Văn S. Là những vật chứng sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trả lại cho anh Phạm Văn T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20S màu xanh, IMEI 2 353 247 114 259 336 của Phạm Văn T1. **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn S đã tự nguyện bồi thường cho bị hại tổng số tiền 15 triệu đồng. Đến nay bị hại không yêu cầu bị cáo C, bị cáo S bồi thường bất cứ khoản nào khác nên không đặt ra việc giải quyết. Đối với bị cáo Phạm Văn Q chưa bồi thường thiệt hại cho bị cáo, áp dụng Điều 584, 585, 586, 592, Nghị quyết số 02 ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao. Buộc bị cáo Q phải bồi thường cho bị hại 9 tháng lương tối thiểu, quy ra tiền 16.200.000 đồng. **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật TTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn Q. Các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 3 năm 2023, Phạm Văn Q nảy sinh tình cảm và có quan hệ tình dục với bà Vũ Thị H1, Q có chụp 02 ảnh của bà H1 (01 ảnh chụp chính diện bà H1 đang khoả thân, 01 ảnh chụp nghiêng bà H1 mặc áo dài tay, không mặc quần) và lưu trong điện thoại của Q. Khoảng đầu tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 tại thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải

Dương, Phạm Văn Q sử dụng tài khoản Zalo “Chua Rung X1” gửi 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 đến tài khoản Zalo “Pham Van Chien” của Phạm Văn C. Sau đó Q sử dụng tài khoản Messenger facebook của mình gửi 02 ảnh trên đến tài khoản Messenger facebook “Nguyễn Sơn H3” của ông Nguyễn Sơn Huỳnh . Phạm Văn C cho bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn C1, bà Nguyễn Thị Đ2 xem 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1. Phạm Văn S cho bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn C1 và sử dụng tài khoản Zalo “Pham Văn S2” gửi 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 vào tài khoản Zalo “Phạm Thành T2” được đăng ký bằng số điện thoại 0367.110.333 của anh Phạm Văn T1. Mục đích Q, C, S2 gửi ảnh, cho người khác xem ảnh (khoả thân và ảnh không mặc quần) của bà H1 để cho bà T, anh C1, anh T1, ông H3, bà Đ2 biết việc Q quan hệ tình dục với bà H1. Sau khi xem ảnh xong bà T, anh C1, anh T1, ông H3, bà Đ2 đều nhận ra người trong ảnh là bà H1. Hậu quả bà H1 thấy xấu hổ, không dám tiếp xúc với người thân, những người xung quanh, xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bà H1. Các Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, coi thường danh dự nhân phẩm của người khác là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo thực hiện 02 lần trở lên, do đó bị truy tố theo điểm a khoản 2 Điều 155 BLHS, như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này Phạm Văn Q là người giữ vai trò chính, Phạm văn S3 giữ vai trò thứ hai và, Phạm Văn c giữ vai trò cuối cùng. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xúc phạm hạ thấp nghiêm trọng, danh dự nhân phẩm của bà H1 bằng hình thức gửi hình ảnh khoả thân của bà H1 trên tài khoản Za lo và tài khoản M facebook cho nhiều người và cho người khác xem ảnh gây hậu quả nghiêm trọng, vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm dành cho các bị cáo.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có bố đẻ là ông Phạm Văn Đ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q tự nguyện nộp số tiền 15.000.000đ vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang để bồi thường thiệt hại cho bị hại; Bị cáo C, S2 tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 15

triệu đồng. Do vậy bị cáo Q, C, S2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Chiến tích cực tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C nên bị cáo C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Phạm Văn Q là người giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, là người già (62 tuổi), nhưng lại quan hệ bất chính với bị hại là người kém bị cáo nhiều tuổi. Sau khi thực hiện hành vi trên không lấy đó làm xấu hổ, bị cáo lại gửi ảnh khoả thân, bán khoả thân của bị hại cho người khác xem để nhằm ngăn cản người khác không có tình cảm với bà H1, và xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà H1. Đối với Phạm Văn S giữ vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo thực hiện hành vi có mức độ nghiêm trọng hơn so với bị cáo C. Bị cáo là người tải ảnh của bà H1 trên mạng xã hội, sau đó gửi ảnh khoả thân, bán thân của bị hại cho anh T1 qua tin nhắn zalo nên tính chất mức độ cao hơn bị cáo C, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Q, S để giáo dục bị cáo biết chấp hành pháp luật, trở thành người tốt. Bị cáo Phạm Văn C giữ vai trò cuối cùng trong vụ án, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do hiểu biết pháp luật không đầy đủ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ mục đích tốt, muốn cho gia đình bị cáo Q giữ được hạnh phúc, muốn ngăn cản bị cáo Q không thực hiện hành vi quan hệ bất chính nên đã cho V2, con, mẹ bị hại xem ảnh khoả thân, bán khoả thân của bị hại với mục đích những người được xem ảnh có biện pháp để khuyên ngăn bị cáo Q và bị hại. Tuy nhiên những hành vi của bị cáo cho người khác xem ảnh khoả thân, bán khoả thân của bị hại không phù hợp với quy định của pháp luật, đã xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại, nên cần có mức án phù hợp với bị cáo, xét thấy bị cáo C có vai trò thứ yếu trong vụ án, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy cần áp dụng khoản 1,2 Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương quản lý cũng có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[7]. Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, số IMEI 355 397 089 113 626 của Phạm Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K màu đen, IMEI2 868 289 052 055 209 của Phạm Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, có IMEI 2 864 739 044 619 300 của Phạm Văn S. Là những vật chứng sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. 01 điện thoại di động hãn hiệu S4 A20S màu xanh, IMEI 2 353 247 114 259 336 của Phạm Văn T1, hành vi của anh T1 không cấu thành tội phạm nên cần trả lại cho anh T1 là phù hợp.

[8]. Đại diện VKSND huyện Ninh Giang đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết giảm nhẹ TNHS và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Vũ Thị H1 yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Bị cáo Q tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang 15 triệu đồng để bồi thường cho bị hại. Do các bên không thoả thuận được với nhau, nên theo Điều 592 BLDS mức bồi thường tối đa không quá 10 lần mức lương cơ sở. Do vậy cần thiết phải buộc bị cáo Q bồi thường cho bị hại từ 9 tháng lương cơ sở ($9 \times 1.800.000 = 16.200.000$ đồng). Đối với bị cáo C, S đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 15 triệu đồng, bị hại không có yêu cầu đề nghị gì khác nên không đặt ra việc giải quyết.

[10]. Các vấn đề khác: Đối với anh Phạm Văn T1 là người gửi 02 ảnh của bà H1 cho ông Vũ Đình S1. Tuy nhiên trước khi gửi ảnh ông S1 nói bà H1 xin ảnh, T1 không có mục đích làm nhục bà H1 nên hành vi của T1 chưa cấu thành tội Làm nhục người khác. Đối với ông Vũ Đình S1, Nguyễn Sơn H3 là người nhận 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1 do người khác gửi đến, tuy nhiên ông S1, ông H3 không gửi, không cho ai xem ảnh trên nên không xem xét xử lý. Đối với tài khoản facebook “Trai Trai Họ V1”, “Trai Họ V1”, và “Vũ Trai Họ V1”, quá trình điều tra không xác định được là tài khoản của ai. Mặt khác tài khoản facebook của bà H1 trước khi bị chiếm đoạt có 02 ảnh (01 khoả thân và 01 ảnh bán khoả thân) của bà H1. Do vậy chưa có căn cứ để xử lý.

[11]. **Về án phí:** Bị cáo Q là người già trên 60 tuổi, Căn cứ Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Q. Bị cáo C, S phải chịu án phí hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn C, Phạm Văn S phạm tội: “Làm nhục người khác”

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 155, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: bị cáo Phạm Văn Q 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 155, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn S 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 155, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 58, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo C cho UBND xã H, quản lý giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo C. Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo C cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 592 BLDS. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Buộc bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường cho chị Vũ Thị H1 ở Thôn Q rục xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương: 16.200.000 đồng trừ đi số tiền bị cáo Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang 15.000.000, như vậy bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.200.000đ cho bà H1. Kể từ ngày án có hiệu lực bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền trên, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về Vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, số IMEI 355 397 089 113 626 của Phạm Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K màu đen, IMEI2 868 289 052 055 209 của Phạm Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, có IMEI 2 864 739 044 619 300 của Phạm Văn S . Trả lại cho anh Phạm Văn T1: 01 điện thoại di động hãn hiệu Samsung A20S màu xanh, IMEI 2 353 247 114 259 336 của Phạm Văn T1.

Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Q. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo C, S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Ninh Giang;
- Cơ quan THA Hình sự huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV công an huyện Ninh Giang.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Hải